

KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG TRONG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM NHỮNG NĂM 1954 - 1959

TS BÙI THI THU HÀ*

Cuộc khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra ngày 28 - 8 - 1959. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa đầu tiên ở miền Nam chống Mỹ. Đây không phải là những cuộc đấu tranh bột phát, không có tổ chức và lãnh đạo mà là diễn ra theo đường lối chung của Đảng, hệ quả tất yếu sự thống trị của chính quyền Mỹ - Diệm, thể hiện truyền thống anh hùng, bất khuất của nhân dân Việt Nam.

Các cuộc khởi nghĩa báo hiệu một tình thế cách mạng mới, khi mà đế quốc Mỹ và tay sai không thể tiếp tục đàn áp, khủng bố dã man, lê máy chém đi khắp nơi để trả thù những người kháng chiến cũ và giết hại những chiến sĩ cộng sản, những người yêu nước kiên cường, bất khuất. Sự chịu đựng của đồng bào miền Nam bị dồn nén trong cuộc đấu tranh hoà bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến hành hiệp thương, tổ chức tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc đã bùng nổ. Đồng bào miền Nam không thể sống mãi dưới ách thống trị phát xít và cam chịu cảnh đất nước bị chia cắt.

Ngay sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta đã chủ trương "chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hoà bình: học tập nhiệm vụ, phương châm, chính sách mới của Trung ương; sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng; đảm bảo vừa che giấu được lực lượng, vừa lợi dụng được những khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương, chính sách

và khẩu hiệu mới của Đảng"¹. Như vậy, để phù hợp với tình hình và mục tiêu cách mạng trước mắt, Đảng chủ trương đấu tranh hoà bình, song không có nghĩa là không chuẩn bị lực lượng đấu tranh vũ trang. Bởi vì, nếu bằng phương pháp hoà bình mà giành được mục tiêu chiến lược thì Đảng ta vẫn tận dụng để không phải hy sinh nhiều xương máu. Song, nếu kẻ thù dùng bạo lực phản cách mạng thì chúng ta phải vũ trang đấu tranh. Vì vậy, trong khi chuyển quân tập kết ra Bắc, các tỉnh ở miền Nam đều bố trí cán bộ ở lại để lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân. Ở Quảng Ngãi, số cán bộ được chỉ định ở lại hoạt động tính đến tháng 3 - 1955 là 396 người². Một số vũ khí, vật dụng cũng được cất giấu.

Trong bức điện "Về tình hình, nhiệm vụ và công tác miền Nam" ngày 6 - 7 - 1956 (Nghị quyết của Bộ chính trị ngày 8, 9 tháng 6 năm 1956), Trung ương Đảng đặt ra ba khả năng:

"a) Có hiệp thương và tổng tuyển cử, do đó thực hiện được thống nhất bằng phương pháp hoà bình;

b) Giằng co, kéo dài tình trạng chia cắt;

c) Chiến tranh trở lại"³.

Trước những khả năng ấy, Trung ương Đảng vẫn kiên trì đấu tranh chính trị đồng thời khẳng định: "Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định

* Phân viện Hà Nội, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

nhưng nó phải do Đảng lãnh đạo thì nó mới có thể duy trì và phát triển được"⁴.

Nhận định và chủ trương của Đảng thể hiện trình độ tư duy biện chứng cao, rất linh hoạt và đảm bảo nguyên tắc, mang tính sáng tạo và khả thi. Các đảng bộ miền Nam đã thực hiện nghị quyết trên có hiệu quả. Ngay trong cuộc xung đột quân sự giữa chính quyền Ngô Đình Diệm với lực lượng vũ trang Bình Xuyên và giáo phái Hoà Hảo, Cao Đài, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định và một số tỉnh Nam Bộ đã đưa lực lượng vào hàng ngũ các giáo phái, dưới danh nghĩa giáo phái để tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng, tiến hành vũ trang tuyên truyền diệt tế trừ gian, bảo vệ cơ sở và căn cứ cách mạng, gìn giữ lực lượng. Từ năm 1956 - 1957, nhiều đơn vị vũ trang, đội diệt tế trừ gian đã ra đời ở các tỉnh Nam Bộ và Khu V.

Ở Quảng Ngãi, đồng bào các dân tộc ít người đã dùng tục "trả đầu" ngày xưa, một người bị giết thì gia đình, dòng họ phải báo thù để trả nợ máu (đã bị xoá bỏ sau Cách mạng tháng Tám 1945) nhằm trừng trị bọn ác ôn, chỉ điểm cho Mỹ - nguy giết hại cán bộ cách mạng. Tổ chức một nhóm cốt cán để thực hiện hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Tháng 12 - 1956, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi kiến nghị với Khu uỷ V khôi phục, tổ chức lực lượng vũ trang để làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trước tình hình phát triển của phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, sự ngoan cố phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1954 và quyết tiêu diệt cách mạng miền Nam của Mỹ - nguy, tháng 8 - 1956, Xứ uỷ Nam Bộ đã nghiên cứu và thảo luận "*Đường lối cách mạng miền Nam*". Khi phân tích về "Yêu cầu của nhân dân và mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm", Xứ uỷ đã khẳng định: "Nhất định nhân dân miền Nam phải đứng lên tranh đấu đập tan chính sách chia rẽ, gây chiến của đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm để thực hiện nguyện vọng của mình về hoà bình,

độc lập, thống nhất là yêu cầu bức thiết của nhân dân, nó là kết quả của biết bao gian nan, biết bao xương máu trong chín năm chiến đấu anh dũng của nhân dân, vì đó là cái lẽ sinh tồn tất nhiên của một dân tộc, không thể khác được"⁵.

Bước sang năm 1959, phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam càng trở nên sôi sục, vì chính quyền Mỹ - Diệm ngang nhiên thách thức nhân dân. Chúng thi hành luật 10/59, lập toà án quân sự đặc biệt, lê máy chém khắp nơi, tiến hành các cuộc hành quân lớn đánh phá vùng căn cứ, đẩy mạnh "tố cộng" để tăng cường kim kẹp, khống chế nhân dân. Ninh Thuận, Quảng Ngãi là những vùng trọng điểm đánh phá của Mỹ - nguy. Cuộc khởi nghĩa Bắc Ái (1958) thể hiện sự bức xúc, nguyện vọng của nhân dân miền Nam đứng lên cầm vũ khí đánh trả kẻ thù.

Trong không khí ấy, tháng 1-1959 HNTU 15 đã xác định "*Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*" và "*Phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam*": "Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"⁶. Do tính chất hiếu chiến, ngoan cố, cực kỳ hung ác của đế quốc Mỹ và tay sai, "cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ"⁷.

Quá trình đấu tranh chống Mỹ - Diệm của nhân dân Quảng Ngãi những năm 1954 - 1958 đã góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc ra đời Nghị quyết 15 của Đảng. Trong những năm này, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng đã nhận thức rõ: phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải có vũ trang ở chừng mực thì đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được, mới hạn chế

sự đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành thắng lợi sau này⁸. Chính vì vậy, lãnh đạo Tỉnh đã tiến hành lập căn cứ của Tỉnh ở các xã phía Nam Trà Bồng, nơi người Cor sinh sống; hướng dẫn cán bộ đào hầm, lấy vũ khí đã cất giữ. Ở Ba Tư lấy được 42 khẩu súng trường, tiểu liên, 3 trung liên và 1 khẩu súng ngắn. Số vũ khí trên được trang bị cho lực lượng vũ trang của tỉnh khi thành lập⁹.

Nghị quyết 15 nhanh chóng được quần chúng nhân dân đón nhận, biến thành phong trào cách mạng mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28 - 8 - 1959), cuộc chặn đánh, tiêu diệt một tiểu đoàn ngụy ở Gò Quán Cung, tỉnh Kiến Phong (Đồng Tháp) ngày 16 - 9 - 1959, và nhiều cuộc nổi dậy ở Nam Bộ là những sự kiện quan trọng thực hiện Nghị quyết 15 và dẫn tới phong trào Đồng khởi.

Tháng 5 - 1959, Nghị quyết 15 mới được truyền đạt cho cán bộ các tỉnh Khu V, nhưng trước đó ngày 3 - 3 - 1959, được sự đồng ý của Khu uỷ V, một đơn vị vũ trang tập trung của Quảng Ngãi được thành lập ở xã Trà Thọ (Trà Bồng) với phiên hiệu 339. Đơn vị gồm 33 chiến sĩ, trong đó có 27 thanh niên người Cor. Nhiều đơn vị tự vệ được cũng thành lập ở các làng, xã để bảo vệ cuộc đấu tranh của nhân dân, chống lại các cuộc càn quét, lùng bắt cán bộ, những người yêu nước. Được Nghị quyết 15 soi sáng, phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi cùng phong trào cách mạng của đồng bào miền Nam ngày càng lớn mạnh. Phong trào đấu tranh của nhân Quảng Ngãi vừa chịu ảnh hưởng, tác động, vừa đóng góp vào cuộc đấu tranh chung của miền Nam. Đêm 24 - 9 - 1959, tức gần 1 tháng sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, Khu uỷ VIII (Trung Nam Bộ) quyết định phát động quần chúng nhân dân đứng lên khởi nghĩa đồng loạt, theo tinh thần Nghị quyết 15. Tuần lễ "Toàn dân đồng khởi" bắt đầu ở Bến Tre với cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Mỏ Cày, ngày 17 - 1 - 1960.

Từ Bến Tre phong trào lan nhanh khắp các tỉnh Nam Bộ, vùng rừng núi miền Trung, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị, trong hàng ngũ binh lính địch. Trong năm 1960 có 10 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị.

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã hoà chung vào cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, "đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ"¹⁰.

Cuộc khởi nghĩa không chỉ có tác động đến phong trào cách mạng trong tỉnh mà còn góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh chung ở Khu V và toàn miền Nam. Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân Quảng Ngãi hoà chung vào phong trào Đồng khởi, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang tiến công, làm cho ngụy quyền Sài Gòn rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc.

Tinh thần Trà Bồng, chiến thắng Trà Bồng mãi mãi ghi vào sử sách của Quảng Ngãi, lịch sử toàn Đảng, lịch sử dân tộc và được phát huy trong hiện tại và tương lai để viết tiếp các trang sử oanh liệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.15, tr.274

2. Dẫn theo: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, CTQG, H, 1996, T. II

3,4,5. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, sốđ, T.17, tr.224, 225, 789

6, 7. sốđ, T. 20, tr.82, 85

8,9. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975)*, CTQG, H, 1999, tr.152, 156

10. *Nam Trung Bộ kháng chiến*, CTQG, H, 1995, tr.267-268.